TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 8 - 2019
V/v chị L xin ly hôn anh Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/5/2019 cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q vào tháng 3/2001, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau

khi kết hôn chị và anh Q chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh Q không hợp tính nhau, anh Q hay uống rượu say, đánh chửi chị. Từ tháng 7/2010 đến nay chị và anh Q sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng giữa chị và anh Q không còn nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn Q có một con chung là Nguyễn Văn C sinh ngày 12/8/2007, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cảnh và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn Q thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên anh Nguyễn Văn Q vắng mặt, nhưng anh Q có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Nguyễn Thị L về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị L. Mâu thuẫn giữa anh và chị L không có gì lớn mà chị L không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2010 đến nay chị L bỏ đi và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn chị L vì anh là gia đình công giáo. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị L có một con chung là Nguyễn Văn C sinh ngày 12/8/2007, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về tài sản chung giữa anh và chị L không có nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn C sinh ngày 12/8/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên án phí chị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, anh Nguyễn Văn Q cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay chị L xin ly hôn anh Q và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q vắng mặt nhưng anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp L phiên tòa lần thứ hai, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q được tổ chức kết hôn vào tháng 3/2001, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị L và anh Q chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ năm 2010 đến nay chị L và anh Q sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa giữa L và anh Q đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L xin được ly hôn anh Q nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Q không nhất trí ly hôn chị L với lý do vì anh là gia đình công giáo, thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Q không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q có một con chung là Nguyễn Văn C sinh ngày 12/8/2007, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Nay chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu C và anh Q cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, phía chị L yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng nên chấp nhận là phù hợp

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn C sinh ngày 12/8/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, (hiện chị Nguyễn Thị L đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn C). Buộc anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị L đối với cháu Nguyễn Văn C mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8/2019 đến khi cháu Nguyễn Văn C trưởng thành tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sư sơ thẩm chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000706 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh Q. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu.